

Số: 151/QĐ-SNN

Đồng Nai, ngày 12 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của
Chi cục Thủy lợi tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý và phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của liên Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Chi cục Thủy lợi tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi tại Tờ trình số 03/CCTL-TCHC ngày 29/3/2016 về việc ban hành Quyết định quy định tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

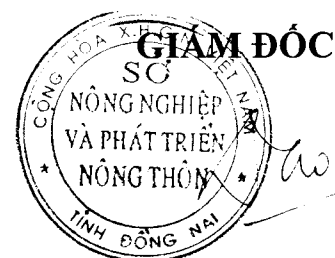
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi tỉnh Đồng Nai, gồm 6 Chương và 15 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi tỉnh Đồng Nai; các đơn vị trực thuộc và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thủy lợi (để báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, TX Long Khánh và TP Biên Hòa;
- Giám đốc và các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, TCCB. *ch (16)*



Phạm Minh Đạo

QUY ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 151/QĐ-SNN
ngày 12/4/2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

Chi cục Thủy lợi tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về thủy lợi, đê điều và phòng, chống lụt, bão, thiên tai, nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hoạt động và trụ sở làm việc

Chi cục chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi cục có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách Nhà nước, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trụ sở của Chi cục đặt tại: khu phố 3, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ chung

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, nước sạch nông thôn đã được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.



4. Tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về lĩnh vực thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai, nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Về khai thác, sử dụng và bảo vệ công trình thủy lợi:

a) Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy trình vận hành, phương án bảo đảm an toàn công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn và có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; giải quyết các tranh chấp phát sinh theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu với Sở, trình cấp có thẩm quyền cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, xả nước thải vào hệ thống thủy lợi theo quy định của pháp luật;

d) Là thành viên Hội đồng bàn giao cơ sở các công trình thủy lợi; thẩm định, thẩm tra hoặc tham gia thẩm định các dự án xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi khi được cấp có thẩm quyền giao;

đ) Thẩm định dự án tu bổ và sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi;

e) Phát hiện, ngăn chặn, phối hợp với chính quyền địa phương trong việc xử lý các vi phạm về khai thác, sử dụng và bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Về công tác nước sạch nông thôn:

a) Hướng dẫn, quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình nước sạch nông thôn; phối hợp thẩm định, điều chỉnh, bổ sung, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình nước sạch nông thôn theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Là thành viên hội đồng bàn giao cơ sở công trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tham gia thẩm định các dự án xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, công trình nước sạch nông thôn.

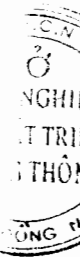
7. Về công tác đê điều:

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa, bảo vệ, sử dụng đê điều và hộ đê; kế hoạch, giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển thuộc phạm vi quản lý;

b) Thực hiện công tác hộ đê, xử lý kỹ thuật các sự cố đê điều, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan đề xuất phương án phòng, tránh, xử lý, khắc phục hậu quả sự cố đê điều. Đề xuất các giải pháp huy động các nguồn lực để cứu hộ và bảo vệ đê điều, an toàn cho dân cư khi sạt lở đê, bờ sông;

c) Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động có cấp phép liên quan đến đê điều theo quy định; hướng dẫn các địa phương tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân;

d) Tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình đê điều và ở bãi sông theo quy định;



đ) Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ đê điều, bảo vệ công trình phòng, chống lụt, bão (PCLB); xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc PCLB, sạt lở ven sông trên địa bàn;

e) Theo dõi mọi nguồn vốn đầu tư, tu bổ, nâng cấp, duy tu, sửa chữa công trình đê điều và PCLB; tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển, tu bổ, duy tu đê điều và quản lý việc thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

g) Quản lý, kiểm tra việc sử dụng vật tư dự trữ, trang thiết bị phòng chống lụt, bão;

h) Tổ chức đánh giá hiện trạng đê điều, cảnh báo khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét, ngập lụt, đề xuất phương án phòng tránh, xử lý khắc phục hậu quả các sự cố;

i) Phát hiện, ngăn chặn, phối hợp với chính quyền địa phương trong việc xử lý các vi phạm Luật Đê điều;

k) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 38; Điều 39 và Điều 40 của Luật Đê điều và Khoản 2, Điều 7 Nghị định 113/2007/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều.

8. Về công tác phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai và phòng, chống tác hại do nước gây ra:

a) Tham mưu, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biện pháp huy động nguồn lực, vật tư, phương tiện để phòng, chống, khắc phục hậu quả do bão, lũ, hạn hán, úng, ngập, xâm nhập mặn, sạt lở, thiên tai khác và ô nhiễm nguồn nước gây ra; xử lý sự cố công trình thủy lợi, đê điều; tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

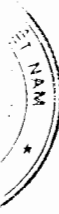
b) Tổ chức theo dõi, cập nhật về tình hình mưa, bão, lũ, tố, lốc, động đất, sóng thần; phối hợp với các ngành, các tổ chức, các địa phương kịp thời đề xuất với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh phương án xử lý sự cố các công trình thủy lợi, đê điều và xử lý tình huống, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra thuộc phạm vi quản lý;

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các quy định về tình huống khẩn cấp cần phân lũ, chậm lũ, các biện pháp di dân, bảo đảm sản xuất và đời sống của nhân dân, khắc phục hậu quả ngập lụt, trợ cấp cho nhân dân; biện pháp phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai;

d) Thực hiện nhiệm vụ Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo yêu cầu của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

9. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư công trình xây dựng (nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi; nâng cấp, duy tu, sửa chữa, tu bổ và làm mới đê điều, công trình phòng, chống lụt bão, nâng cấp, sửa chữa công trình nước sạch nông thôn) khi được cấp có thẩm quyền giao.

10. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án xây dựng mô hình phát triển



về thủy lợi, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

11. Tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, nước sạch nông thôn theo quy định; nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật về chuyên ngành quản lý.

12. Thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, trong lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao theo quy định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy lợi.

14. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, viên chức thuộc Chi cục Thủy lợi.

15. Quản lý tổ chức, biên chế công chức, vị trí việc làm, công chức, viên chức, tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo phân cấp của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

16. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Chi cục theo mục tiêu và nội dung, chương trình cải cách hành chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4: Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Chương III **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CHI CỤC TRƯỞNG**

Điều 5. Nhiệm vụ của Chi cục trưởng

1. Tham mưu Giám đốc Sở xây dựng chương trình, quy hoạch, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn; các đề tài, dự án về quản lý chuyên ngành về thủy lợi; đê điều; phòng, chống thiên tai và nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương theo thẩm quyền.

2. Giữ mối liên hệ với Lãnh đạo Sở, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở và các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; tổ chức và thực hiện quy chế dân chủ ở Chi cục theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh tổng hợp khi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác.

3. Đề xuất quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Chi cục với Giám đốc Sở. Quản lý, đánh giá công chức, viên chức hàng năm; thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của công chức, viên chức trong đơn vị.

Điều 6. Quyền hạn của Chi cục trưởng

1. Là chủ tài khoản của Chi cục;

2. Quản lý biên chế, tổ chức thi, xét tuyển viên chức, đề nghị tuyển dụng, tiếp nhận, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng,

kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Chi cục và phân công của Giám đốc Sở;

3. Chi cục trưởng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng trạm, Phó trưởng trạm sau khi có văn bản đề nghị và có ý kiến của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Chi cục và chịu trách nhiệm về các quyết định đó;

5. Thực hiện quyền hạn của Chi cục và quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền.

Chương IV **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

Điều 7. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục.

a) Lãnh đạo Chi cục có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

b) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục và những công việc được Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT phân công hoặc ủy quyền.

Chi cục trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các Trạm trực thuộc.

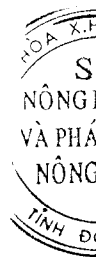
c) Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, một Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Chi cục.

d) Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định việc bổ nhiệm Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ được quy định. Việc miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, từ chức và các chế độ, chính sách đối với Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Chi cục có không quá 05 phòng chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo bao quát được các lĩnh vực cơ bản sau đây: Hành chính, tổng hợp; thanh tra, pháp chế; quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn; quản lý đê điều; phòng, chống thiên tai.

3. Các Trạm Thủy lợi liên vùng: Chi cục có các Trạm Thủy lợi Vùng (liên huyện) được thành lập theo yêu cầu quản lý nhà nước của tỉnh và quy định của pháp luật trên cơ sở xác định rõ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trạm và đảm bảo không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đã được thành lập trước đó.

4. Trước mắt, chưa thành lập các phòng, trạm trực thuộc Chi cục, Chi cục làm việc theo chế độ chuyên viên. Lãnh đạo Chi cục trực tiếp chỉ đạo các chuyên viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Sau khi được bố trí đủ nhân lực



đáp ứng yêu cầu, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi báo cáo và đề xuất Giám đốc Sở xem xét, quyết định thành lập các phòng, trạm trực thuộc theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 8. Biên chế

Số lượng biên chế của Chi cục do Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối, bố trí trong tổng số công chức, viên chức được UBND tỉnh giao hàng năm.

Điều 9. Chế độ làm việc

Chi cục làm việc theo chế độ thủ trưởng bảo đảm nguyên tắc tập trung, dân chủ. Chi cục trưởng là người quyết định, chỉ đạo và điều hành toàn diện các mặt hoạt động của Chi cục. Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và pháp luật về công việc do Chi cục Thủy lợi trực tiếp quản lý.

Chương V MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 10. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chi cục chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chi cục chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định, chỉ đạo của Giám đốc Sở, báo cáo công tác của Chi cục đến Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chế độ quy định và khi có yêu cầu.

2. Chi cục có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hỗ trợ lẫn nhau theo chức năng, nhiệm vụ được giao trên tinh thần cộng đồng trách nhiệm nhằm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chung của Sở Nông nghiệp và PTNT được giao.

Điều 11. Đối với Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông Nghiệp & PTNT

Chi cục chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ và các mặt công tác của Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT. Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi có trách nhiệm báo cáo công tác chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý đến Tổng cục Thủy lợi, đồng thời báo cáo Giám đốc Sở theo chế độ định kỳ và đột xuất.

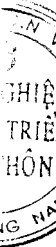
Trong trường hợp chỉ đạo của Tổng cục Thủy lợi khác với chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và PTNT về cùng một nội dung công việc thì phải báo cáo Giám đốc Sở để tham mưu đề xuất UBND tỉnh.

Điều 12. Đối với sở, ban, ngành

Chi cục là đơn vị giúp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác phối hợp với các sở, ban ngành liên quan để triển khai thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh về lĩnh vực về thủy lợi; đê điều; phòng, chống thiên tai và nước sạch nông thôn, trên cơ sở thống nhất của lãnh đạo các ngành và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 13. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa

1. Chi cục có trách nhiệm phối hợp với UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa để tổ chức triển khai các công tác thuộc lĩnh vực về thủy lợi; đê điều; phòng, chống thiên tai và nước sạch nông thôn trên địa bàn.




2. Chi cục có nhiệm vụ hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ để giúp UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi; đê điều; phòng, chống thiên tai và nước sạch nông thôn trên địa bàn.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức, triển khai, thực hiện Quy định này.

Điều 15. Trong quá trình thực hiện quy định này nếu có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định./.


Phạm Minh Đạo

NAM